

BÁO CÁO
Công khai về tình hình chung của nhà trường
năm học 2025-2026

Số TT	THÔNG TIN CHUNG	
1	Tên trường	Trường mầm non Anh Đào
2	Địa chỉ trụ sở chính	80 Nguyễn Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
3	Loại hình	Công lập
4	Tầm nhìn	Trường mầm non Anh Đào có chiều hướng phát triển nhanh, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non ngày càng được nâng cao, luôn được Lãnh đạo và các đoàn thể trên địa bàn phường Hoà Cường quan tâm, phụ huynh học sinh luôn mong muốn gửi con vào trường để thụ hưởng một môi trường giáo dục tốt nhất. Để đáp ứng sự mong mỏi của các cấp chính quyền và sự tin tưởng của quý phụ huynh, vì vậy trường mầm non Anh Đào luôn muốn phấn đấu xây dựng trường đạt hiệu quả chất lượng về nuôi dưỡng và giáo dục, tạo được thương hiệu và nét riêng của mình.
5	Sứ mệnh	- Xây dựng môi trường có nề nếp kỷ cương, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều phát triển toàn diện, phát huy tính tích cực sáng tạo; - Xây dựng Trường là ngôi nhà thứ hai của trẻ và cô giáo; - Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện "Học bằng chơi, chơi mà học", lấy trẻ làm trung tâm.
6	Mục tiêu	- Giúp trẻ học tại trường Mầm non Anh Đào phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt các điều kiện cho trẻ vào học lớp một; - Hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp tiếp theo và cho việc học tập suốt đời; - Giúp trẻ hào hứng vui vẻ, hạnh phúc khi đến trường; mạnh dạn tự tin trong giao tiếp, thân thiện tích cực trong các hoạt động làm việc nhóm; tự lập trong các hoạt động phù hợp với độ tuổi.

Quy chế tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.	- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ trường mầm non: + Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường. + Chủ động đề xuất nhu cầu tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. + Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. + Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục. + Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền. + Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa. + Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. + Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng. + Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. - Phối hợp với UBND phường thực hiện điều tra phổ cập trẻ trong độ tuổi từ 0- 5 tuổi, cập nhật hồ sơ dữ liệu PCGD, phối hợp hoàn thành hồ sơ PCGD hằng năm. - Phối hợp với UBND phường thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công. - Thực hiện quản lý tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật.
--	--

Hòa Cường, ngày 11 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Trà My

BÁO CÁO
Công khai tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên
Năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp			
			THS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	57	0	39	4	4	10	8	23	28	9	0	0
I	Giáo viên	37	0	33	4	0	0	8	23	28	9	0	0
1	Nhà trẻ	13	0	9	4	0	0	4	5	11	2	0	0
2	Mẫu giáo	24	0	24	0	0	0	4	18	17	7	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0	0	3	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0
III	Nhân viên	17	0	2	1	4	10	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên cấp dưỡng	10	0	1	1	1	7	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên bảo vệ	3	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên tạp vụ	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Hòa Cường, ngày 11 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Trà My

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2025-2026**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	32	2,2 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	17	2,2 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	Cơ sở 1: 3.350m ² Cơ sở 2: 704m ²	-
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.660m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	80 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	940 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	230 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	690 m ²	
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	130 m ²	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	140 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	230 m ²	

VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	17	1 bộ/ 1 nhóm lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	17	1 bộ/ 1 nhóm lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	20	-
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15 máy tính, 1 máy chiếu, 5 máy in, 2 dàn âm thanh ngoài trời	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
	Ti vi	17	17 nhóm lớp, 2 cs
	Máy chiếu	1	Phòng Hội trường
	Máy in	5	BGH; KT, VT
	Màn hình cảm ứng	3	3 lớp MG lớn
	Máy Scan	1	VT
	Dàn âm thanh	2	2 cơ sở

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	18.5	93.5		0.4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0		0	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Hải Châu, ngày 11 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Trà My

UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	495	2	50	57	63	177	146
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	495	2	50	57	63	177	146
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						1	
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	495	2	50	57	63	177	146
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	495	2	50	57	63	177	146
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	495	2	50	57	63	177	146
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	495	2	50	57	63	177	146
1	Số trẻ cân nặng bình thường	460						
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	13	1	3	1		5	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	447						
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	14		3	1	1	3	6
5	Số trẻ thừa cân béo phì	26				4	7	15
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	495	2	50	57	63	177	146
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	109	2	50	57			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	386				63	177	146

Hòa Cường, ngày 11 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Trà My

THÔNG BÁO
Công khai kết quả tài chính

1 Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động năm 2024 như sau:

a. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước:

Nguồn kinh phí tự chủ:

Nguồn 13 : 7.054.414.840đ

Nguồn kinh phí không tự chủ:

Nguồn 12 : 880.479.392đ

Nguồn 15 : 126.540.000đ

Nguồn 18 : 172.000.000đ

b. Các khoản chi phân theo:

**** Nguồn kinh phí tự chủ:***

- Tiền lương và các khoản theo lương : 5.564.072.154đ
- Tiền thu nhập tăng thêm : 528.810.725đ
- Tiền phúc lợi : 504.985.986đ
- Tiền khen thưởng : 13.100.000đ
- Vật tư- văn phòng phẩm : 25.981.620đ
- Thông tin tuyên truyền : 19.661.886đ
- Công tác phí : 53.335.000đ
- Thuê mướn : 231.356.800đ
- Công nghệ thông tin : 5.590.000đ
- Chi phí chuyên môn nghiệp vụ : 77.286.290đ

- Chi phí khác : 30.234.379đ

*** Nguồn kinh phí không tự chủ:**

- Tiền lương và các khoản theo lương : 300.624.140đ

- Tiền hỗ trợ : 84.870.000đ

- Thanh toán dịch vụ công cụ : 7.264.588đ

- Vật tư- văn phòng phẩm : 65.313.500đ

- Thuê mướn : 16.804.000đ

- Sửa chữa, duy tu tài sản : 68.091.024đ

- Chi phí chuyên môn nghiệp vụ : 96.097.140đ

- Tiền phụ cấp đặc biệt ngành : 22.040.000đ

- Tiền cấp bù học phí : 375.915.000đ

- Chi khen thưởng NĐ 73 : 172.000.000đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

Nội dung	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026	
	Mức thu	Số tiền thu	Mức thu	Số tiền dự kiến thu
Bán trú	1.417.000đ/tháng/hs	5.715.309.000đ	1.417.000đ/tháng/hs	5.827.893.000đ
Thứ 7	366.000đ/hs/3 ngày	670.512.000đ	366.000đ/hs/3 ngày	745.908.000đ
Năng khiếu	60.000đ/tháng/hs	521.010.000	60.000đ/tháng/hs	543.390.000đ
Hè	1.837.000đ/tháng/hs	1.938.842.000đ	1.837.000đ/tháng/hs	2.008.879.000đ
Đồ dùng	HS NT: 95.000 đ	51.875.000đ	HS mới: 275.000 đ	122.000.000đ
Bán trú	/HS/năm		/HS/năm	
	HS MG: 130.000đ		HS cũ: 199.000đ	
	/HS/năm		/HS/năm	

- Học phí: Không có

- Các khoản thu và mức thu ngoài học phí trong năm học 2024-2025 và dự kiến cho năm học sau 2025-2026:

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Chế độ chính sách cho trẻ: năm 2024 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật được hưởng chế độ chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa.

4. Số dư các quỹ theo quy định:

Số dư các quỹ đến ngày 31/12/2024 theo như bảng đối chiếu số dư với kho bạc nhà nước Thành phố Đà Nẵng như sau:

STT	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/2024	Ghi chú
1	Học phí	0	
2	Vệ sinh	0	
3	Đồ dùng bán trú	0	
4	Bán trú	84.389.928	
5	Thứ 7	42.554.143	
6	Năng khiếu	0	
7	Quỹ phát triển HDSN	0	
8	Quỹ Phúc lợi	0	
9	Tiền bảo hiểm trích lại	0	
10	Tiền lãi	1.590.243	
	Tổng cộng	128.534.314	

5. Các nội dung công khai tài chính khác: Nhà trường thực hiện công khai theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Từ năm 2013, khái niệm mức lương tối thiểu chung được đổi thành mức lương cơ sở. Và kể từ năm 2013 đến nay, đã có 6 lần thay đổi mức lương cơ sở, cụ thể như sau:

- Nghị định 66/2013/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đầu tiên được áp dụng từ ngày 01/7/2013 là 1.150.000 đồng/tháng.
- Nghị định 47/2016/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở là 1.210.000 đồng/tháng được áp dụng từ ngày 1/5/2016.
- Nghị định 47/2017/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở là 1.300.000 đồng/tháng được áp dụng từ ngày 1/7/2017.
- Nghị định 72/2018/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng/tháng được áp dụng từ ngày 1/7/2018.
- Nghị định 38/2019/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng được áp dụng từ ngày 1/7/2019.
- Nghị định 24/2023/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng được áp dụng từ ngày 1/7/2023.

Hòa Cường, ngày 11 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Trà My

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ. Đảm bảo môi trường học tập an toàn, sạch sẽ và thân thiện cho trẻ, đảm bảo trẻ được nghỉ ngơi và vận động hợp lý. Tạo điều kiện để trẻ phát triển các kỹ năng giao tiếp, tương tác xã hội thông qua các hoạt động vui chơi. Tăng cường các hoạt động phát triển ngôn ngữ, kích thích tò mò và ham học hỏi thông qua các hoạt động khám phá môi trường xung quanh.	Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. Nâng cao kỹ năng tiếp theo, xử lý các nhóm hoạt động và các buổi sinh hoạt tập thể. Khuyến khích trẻ phát triển sự tự tin, tự thiết lập các hoạt động tự động và các công việc phù hợp. Tăng cường các hoạt động giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống và trách nhiệm xã hội thông qua các câu chuyện, hoạt động thực tế và giao tiếp với bạn bè.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non) (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.)	Chương trình giáo dục mầm non (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non) (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.)

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, KHÉO LÉO, THĂNG BẰNG CƠ THỂ). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.	PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
-------------------	--	---	---

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện..

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn. - Hoạt động giáo dục trẻ bao gồm: hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật, hoạt động chơi, hoạt động chơi – tập có chủ đích, hoạt động ngày hội, ngày lễ. - Hoạt động tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	- Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn. - Hoạt động giáo dục trẻ bao gồm: hoạt động chơi; hoạt động học; hoạt động lao động; hoạt động ngày hội, ngày lễ. - Hoạt động tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
----	---	--	---

Hòa Cường, ngày 11 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Trà My